ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41/2008/QĐ-UBND	*Đà Lạt, ngày 16 tháng 9 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước tỉnh Lâm Đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước ngày 28/12/2000;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 13/2008/CT-TTg ngày 11/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo vệ bí mật Nhà nước trong tình hình mới;

Căn cứ Thông tư số 12/2002/TT-BCA ngày 13/9/2002 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng tại Văn bản số 392/CV-CAT(PA25) ngày 10/9/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Bảo Lộc, thành phố Đà Lạt; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức kinh tế, xã hội, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./-

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(*Đã ký*)

Huỳnh Đức Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Bảo vệ bí mật Nhà nước tỉnh Lâm Đồng.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về chế độ bảo vệ bí mật Nhà nước tại các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân, mọi công dân và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Bí mật Nhà nước tỉnh Lâm Đồng bao gồm

1. Những tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước với các độ mật: Tuyệt mật, Tối mật và Mật đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định có hiệu lực thi hành.

2. Những thông tin, tư liệu, số liệu, tài liệu, vật (gọi tắt là tài liệu, vật) mang tin đã được ấn định và đóng dấu các độ mật ở nơi khác gửi đến tỉnh Lâm Đồng.

3. Những tin khác nếu bị tiết lộ thì gây nguy hại cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Bảo vệ bí mật Nhà nước là nhiệm vụ rất quan trọng của cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức). Mọi công dân trong tỉnh đều có nghĩa vụ, trách nhiệm bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 4. Căn cứ vào danh mục bí mật Nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức kinh tế, xã hội, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng hoặc người được ủy quyền phải có văn bản quy định cụ thể độ mật (Tuyệt mật, Tối mật, Mật) của từng loại tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước thuộc cơ quan, tổ chức, địa phương mình quản lý.

Trong quá trình hoạt động nếu phát hiện trường hợp thấy danh mục không còn phù hợp, cần thay đổi độ mật, cần giải mật hoặc xác định những nội dung mới cần được bảo mật, thì phải thông báo ngay cho Hội đồng thẩm định danh mục bí mật Nhà nước tỉnh (cơ quan thường trực Phòng PA25 Công an tỉnh) để báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định xử lý.

Điều 5. Vào quý I hàng năm, UBND tỉnh xem xét danh mục bí mật Nhà nước của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền quyết định, trường hợp thấy danh mục không còn phù hợp, cần thay đổi độ mật, cần giải mật hoặc xác định những nội dung mới cần được bảo mật, thì làm thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung, thay đổi độ mật, giải mật danh mục bí mật Nhà nước.

Chương II
SOẠN THẢO, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, TIÊU HỦY BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Điều 6. Việc soạn thảo, in, sao chụp tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước phải tuân theo các quy định sau:

1. Người được giao nhiệm vụ soạn thảo, in, sao chụp tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước phải nắm vững quy định của pháp luật, danh mục bí mật Nhà nước và quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước của Bộ, Ngành, đoàn thể và địa phương.

2. Việc soạn thảo, in, sao chụp tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước phải được tiến hành ở nơi an toàn, do lãnh đạo của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước đó quy định. Phải ấn định các độ mật của tài liệu được soạn thảo, in, sao, chụp.

3. Đánh máy, in, sao, chụp tài liệu có các độ mật phải thực hiện nghiêm quy định, quy trình bảo mật đã được quy định. Đánh số trang, số bản, số lượng in, phạm vi lưu hành, nơi nhận, tên người đánh máy, in, sao, chụp tài liệu.

4. Việc sao, chụp các tài liệu, vật có độ "Tuyệt mật", "Tối mật", "Mật" phải được sự đồng ý bằng văn bản của thủ trưởng cơ quan, tổ chức nơi ban hành tài liệu gốc. Tài liệu, vật in, sao, chụp phải được bảo quản như tài liệu gốc. Chỉ in, sao, chụp đúng số văn bản đã được quy định. Sau khi in, sao, chụp phải kiểm tra lại và hủy ngay bản dư thừa và những bản in, sao, chụp hỏng.

5. Bộ phận văn thư, lưu trữ và người được giao xử lý tài liệu mật có trách nhiệm đóng dấu các độ mật đã được ấn định để theo dõi, quản lý, thu hồi theo quy định.

6. Không sử dụng máy tính nối mạng Internet để soạn thảo, in, sao, lưu trữ tài liệu mật.

7. Bí mật Nhà nước sao, chụp ở dạng băng, đĩa phải được niêm phong và đóng dấu độ mật, ghi rõ tên người sao, chụp ở bì niêm phong.

Điều 7. Việc lưu hành, phổ biến, trao đổi, tìm hiểu, sử dụng các thông tin, tài liệu, số liệu, sự việc, sự kiện, ... mang bí mật Nhà nước phải thực hiện đúng nguyên tắc, đúng quy định, đúng tiêu chuẩn (về đối tượng, nội dung, thủ tục, địa điểm, tổ chức và trình tự các hoạt động đó).

Điều 8: Vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước phải đăng ký qua văn thư, lưu trữ của đơn vị theo quy trình sau đây:

1. Vận chuyển tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước.

Tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước khi vận chuyển phải được đựng trong bao bì chắc chắn bằng loại vật liệu phù hợp; khi cần thiết phải niêm phong theo quy định; có phương tiện vận chuyển bảo đảm an toàn trong mọi tình huống;

trường hợp xét thấy cần thiết thì phải bố trí người bảo vệ việc vận chuyển các tài liệu, vật đó.

2. Giao, nhận tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước.

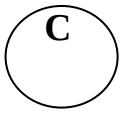
Mọi trường hợp giao, nhận tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước giữa những người: người dự thảo, văn thư, giao thông viên, người có trách nhiệm giải quyết, người lưu giữ, bảo quản, ... đều phải vào sổ, có ký nhận giữa bên giao và bên nhận.

a) Gửi tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước.

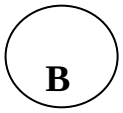
- Vào sổ "Tài liệu mật đi" để theo dõi. Sổ "Tài liệu mật đi" phải ghi đầy đủ các mục: số thứ tự (đồng thời là số tài liệu gửi đi), ngày, tháng, năm, nơi nhận, trích yếu nội dung, độ mật, độ khẩn, người ký, ghi chú. Trường hợp gửi tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước độ "Tuyệt mật" thì cột trích yếu nội dung chỉ được ghi khi người có thẩm quyền đồng ý. Tài liệu gửi đi phải cho vào bì dán kín và chuyển đến văn thư để làm phong bì ngoài gửi đi.

- Làm bì: Tài liệu mang bí mật Nhà nước gửi đi phải làm bì riêng. Giấy làm bì phải dùng loại giấy dai, khó thấm nước, không nhìn thấu qua được; hồ dán phải dính, khó bóc.

+ Tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước độ **"Mật"** ngoài bì đóng dấu chữ



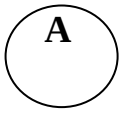
+ Tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước độ **"Tối mật"** ngoài bì đóng dấu chữ



+ Tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước độ **"Tuyệt mật"** gửi bằng 2 bì:

Bì trong: Ghi rõ số, ký hiệu của tài liệu, tên người nhận, đóng dấu "Tuyệt mật". Nếu là tài liệu, vật gửi đích danh người có trách nhiệm giải quyết thì đóng dấu *"chỉ người có tên mới được bóc bì"*.

Bì ngoài: Ghi như gửi tài liệu thường, đóng dấu ký hiệu chữ



b) Nhận tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước.

- Mọi tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước gửi đến từ các nguồn đều phải qua văn thư vào sổ "Tài liệu mật đến" để theo dõi và chuyển đến người có trách nhiệm giải quyết.

- Trường hợp tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước đến mà bì trong có dấu "Chỉ người có tên mới được bóc bì" thì văn thư vào sổ số tài liệu ghi ngoài bì và chuyển ngay đến người có tên trên bì. Nếu người có tên trên bì đi vắng, không thể nhận được tài liệu thì chuyển đến người có trách nhiệm giải quyết. Văn thư không được bóc bì.

- Trường hợp thấy tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước gửi đến mà nơi gửi không thực hiện đúng thủ tục bảo mật thì chuyển đến người có trách nhiệm giải quyết, đồng thời thông tin lại nơi gửi để rút kinh nghiệm. Nếu phát hiện tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước gửi đến có dấu hiệu bị bóc, mở bao bì, lộ lọt bí mật Nhà nước hoặc tài liệu, vật bị tráo đổi, mất, hư hỏng, ... thì người nhận phải báo cáo ngay với thủ trưởng cơ quan, đơn vị để có biện pháp xử lý kịp thời.

c) Thu hồi tài liệu mang bí mật Nhà nước.

Những tài liệu có đóng dấu "Tài liệu thu hồi", văn thư phải theo dõi, thu hồi hoặc trả lại nơi gửi đúng thời hạn. Khi nhận cũng như khi trả phải kiểm tra, đối chiếu bảo đảm tài liệu không bị thất lạc.

Điều 9. Thống kê, lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước

Người được giao quản lý, thống kê, lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước phải lập sổ thống kê theo trình tự thời gian, từng độ mật, bảo quản chặt chẽ và sử dụng đúng mục đích.

Tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước sau khi xử lý xong phải được phân loại, lưu giữ vào hồ sơ, cất vào tủ, hòm hoặc két sắt, không được tự động đem ra khỏi cơ quan.

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật Nhà nước phải thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo việc thống kê, lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước trong phạm vi quyền hạn của mình.

Trường hợp cần thiết phải mang tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước đi công tác, mang về nơi ở hoặc nhà riêng phải được sự đồng ý của thủ trưởng cơ quan, đơn vị và phải đăng ký với bộ phận bảo mật và có phương án bảo mật chặt chẽ. Mọi trường hợp khi phát hiện tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước bị mất, tráo đổi, hư hỏng hoặc bí mật Nhà nước bị lộ lọt phải báo cáo ngay với thủ trưởng cơ quan, đơn vị để có biện pháp giải quyết kịp thời.

Điều 10. Thanh lý, tiêu hủy, giải các độ mật tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước

1. Việc thanh lý, tiêu hủy, giải các độ mật tài liệu, mẫu vật, tin, số liệu, tư liệu thuộc danh mục bí mật Nhà nước của tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt phải căn cứ vào các điều kiện sau:

a) Theo đề nghị của cơ quan ban hành tài liệu gốc;

b) Hết giá trị sử dụng (giá trị mật), hết thời hạn;

c) Phải có quyết định của người có thẩm quyền (việc tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước ở tỉnh Lâm Đồng do Giám đốc Sở (hoặc tương đương) quyết định);

d) Phải có Hội đồng và biên bản thanh lý, tiêu hủy, phải tiêu hủy tại bộ phận bảo mật;

đ) Đối với mật mã thực hiện theo quy định của Ban cơ yếu Chính phủ.

2. Trong quá trình tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước phải bảo đảm không để lộ, lọt bí mật Nhà nước. Tiêu hủy vật thuộc phạm vi bí mật Nhà

nước phải làm thay đổi hình dạng và tính năng, tác dụng. Tiêu hủy tài liệu phải đốt, xén, nghiền nhỏ đảm bảo không thể phục hồi được.

Điều 11. Bảo vệ bí mật Nhà nước trong thông tin liên lạc

1. Việc tổ chức thông tin liên lạc vô tuyến hoặc các phương tiện phát sóng khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng phải đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nội dung bí mật Nhà nước nếu truyền đưa bằng phương tiện viễn thông và máy tính thì phải được mã hóa theo quy định của pháp luật về cơ yếu.

2. Việc sản xuất, mua bán lắp đặt, sử dụng, dự trữ máy phát sóng của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các đơn vị quân đội trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định; của Công an tỉnh Lâm Đồng do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.

Điều 12. Bảo vệ bí mật Nhà nước trong hoạt động xuất bản, báo chí và thông tin đại chúng khác

Việc cung cấp và sử dụng tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi tỉnh Lâm Đồng phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác của ngành chức năng có liên quan.

Điều 13. Cung cấp tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam

1. Người được giao nhiệm vụ tìm hiểu, thu thập tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước phải có giấy chứng minh nhân dân của mình kèm theo giấy giới thiệu của cơ quan ghi rõ nội dung, yêu cầu tìm hiểu, thu thập và phải được cấp có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức lưu giữ bí mật phê duyệt đồng ý.

2. Các cơ quan, tổ chức ở tỉnh Lâm Đồng lưu giữ bí mật Nhà nước khi cung cấp tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam phải được cấp có thẩm quyền duyệt theo quy định sau:

a) Bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; người đứng đầu các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội ở cấp Trung ương; Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng duyệt.

b) Bí mật Nhà nước độ Mật do Cục trưởng (hoặc tương đương) ở các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và Giám đốc các Sở (hoặc tương đương) ở tỉnh Lâm Đồng duyệt.

Điều 14. Bảo vệ bí mật Nhà nước trong quan hệ, tiếp xúc, làm việc với tổ chức, cá nhân nước ngoài; trong hoạt động hội nghị, hội thảo và khi ra nước ngoài.

1. Cán bộ, công chức, người được giao quản lý tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước, trong quan hệ giao dịch tiếp xúc với người nước ngoài phải luôn nêu cao ý thức giữ gìn và bảo vệ bí mật Nhà nước.

Việc cung cấp những tin thuộc bí mật Nhà nước cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài phải tuân theo đúng quy định tại Điều 19 - Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ. Chỉ được phép trao đổi những

nội dung thuộc phạm vi có liên quan đến quyền hạn, trách nhiệm chuyên môn của mình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ.

2. Những người viết bài, đưa tin, trả lời phỏng vấn người nước ngoài phải chịu trách nhiệm trước cấp ủy, thủ trưởng đơn vị, cơ quan quản lý Nhà nước về ý kiến của mình.

3. Người mang tài liệu, vật thuộc phạm vi bí mật Nhà nước ra nước ngoài phải có văn bản xin phép và được người đứng đầu hoặc người được ủy quyền của cơ quan, tổ chức ở Trung ương, Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt đồng ý; văn bản xin phép phải nêu rõ họ tên người mang tài liệu, vật thuộc phạm vi bí mật Nhà nước ra nước ngoài; tài liệu, vật sẽ mang đi; phạm vi, mục đích sử dụng. Khi xuất cảnh phải trình văn bản xin phép có sự phê duyệt của cấp có thẩm quyền cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu.

Điều 15. Bảo vệ khu vực, địa điểm thuộc phạm vi bí mật Nhà nước

1. Khu vực, địa điểm khi đã xác định thuộc phạm vi bí mật Nhà nước phải cắm biển cấm. Biển cấm gồm 02 loại:

a) Biển: "Khu vực cấm";

b) Biển: "Địa điểm cấm".

2. Cơ quan, tổ chức, địa phương quản lý khu vực, địa điểm cấm phải xây dựng nội quy quản lý khu vực, địa điểm cấm và tổ chức công tác bảo vệ đảm bảo yêu cầu bảo mật.

Chương III
THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA THỦ TRƯỞNG, CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN BÍ MẬT NHÀ NƯỚC.

Điều 16. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Chủ tịch UBND tỉnh chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Công an về quản lý và bảo vệ bí mật Nhà nước; tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo hướng dẫn của Bộ Công an.

2. Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm:

a) Lập Danh mục bí mật Nhà nước, xác định, thay đổi độ mật và giải mật bí mật Nhà nước độ mật trình Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.

b) Ban hành Quy chế và Chỉ thị về công tác bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

c) Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện chế độ công tác bảo vệ bí mật Nhà nước của các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh; thành lập tổ chuyên trách bảo vệ bí mật Nhà nước và Hội đồng thanh lý, tiêu hủy, giải độ mật tài liệu, vật thuộc Danh mục bí mật Nhà nước đã được phê duyệt.

d) Thực hiện chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật Nhà nước theo quy định của Chính phủ.

Điều 17. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở, Thủ trưởng Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về công tác quản lý, bảo vệ bí mật Nhà nước; ban hành nội quy, quy chế, chỉ thị về công tác bảo vệ bí mật Nhà nước trong phạm vi đơn vị và địa phương mình.

Theo định kỳ 6 tháng (trước ngày 10 tháng 6) và hàng năm báo cáo UBND tỉnh trước ngày 10 tháng 12 (thông qua Công an tỉnh) về tình hình tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật Nhà nước của đơn vị, địa phương mình.

Khi phát hiện có hiện tượng mất, lộ bí mật trong phạm vi đơn vị, địa phương mình phải báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Điều 18. Thẩm quyền, trách nhiệm người soạn thảo và duyệt ký tài liệu thuộc Danh mục bí mật Nhà nước

Người được giao nhiệm vụ soạn thảo tài liệu thuộc Danh mục bí mật Nhà nước phải thực hiện đúng những quy định ở điểm 1 và 2 Điều 6 - Chương II bản Quy chế này; đề xuất mức độ mật từng tài liệu, ấn định các độ mật; kiểm tra, quản lý người vận chuyển, giao nhận tài liệu mật. Người duyệt ký tài liệu chịu trách nhiệm quyết định đóng dấu độ Mật và phạm vi lưu hành tài liệu.

Điều 19. Cam kết bảo vệ bí mật Nhà nước và tiêu chuẩn cán bộ làm công tác liên quan trực tiếp đến bí mật Nhà nước

1. Cán bộ làm công tác liên quan trực tiếp đến bí mật Nhà nước (người làm công tác cơ yếu, giao liên, văn thư, cán bộ tổng hợp, ... người được giao nhiệm vụ bảo quản, lưu giữ bí mật Nhà nước) phải có phẩm chất tốt, có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức cảnh giác giữ gìn bí mật Nhà nước; có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao và phải cam kết bảo vệ bí mật Nhà nước bằng văn bản; văn bản cam kết phải nộp cho bộ phận bảo mật của cơ quan, tổ chức lưu giữ.

2. Những người được giao nhiệm vụ tiếp xúc với bí mật Nhà nước dưới mọi hình thức phải thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 20. Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ bí mật Nhà nước

Việc xây dựng sơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ bí mật Nhà nước do người đứng đầu cơ quan, tổ chức ở tỉnh Lâm Đồng quyết định và sử dụng kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 21. Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bảo vệ bí mật Nhà nước

1. Thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ bí mật Nhà nước được tiến hành đối với từng việc, một số việc hoặc toàn diện với từng cá nhân, từng khâu công tác, từng cơ quan, xí nghiệp, tổ chức, đoàn thể trong phạm vi tỉnh Lâm Đồng.

2. Giám đốc Công an tỉnh có nhiệm vụ tổ chức thực hiện thanh tra định kỳ hoặc đột xuất trong lĩnh vực bảo vệ bí mật Nhà nước đối với các cơ quan, đoàn thể, tổ chức, các địa phương trong tỉnh và cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Thanh tra định kỳ đối với các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan đơn vị cấp tỉnh và cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh phải được tiến hành ít nhất 2 năm 1 lần, đối với các đơn vị cơ sở ít nhất mỗi năm 1 lần. Các cơ

quan, đơn vị được thanh tra có trách nhiệm phối hợp, cử cán bộ tham gia và tạo điều kiện để công tác thanh tra đạt kết quả.

3. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể; các cơ quan Trung ương, các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố tổ chức thực hiện kiểm tra về công tác bảo vệ bí mật Nhà nước trong phạm vi quản lý của mình; sau mỗi lần kiểm tra phải có biên bản lưu và gửi cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp theo hệ thống dọc; đồng thời gửi Công an tỉnh để theo dõi.

4. Việc thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ bí mật Nhà nước phải đánh giá đúng ưu điểm, khuyết điểm; phát hiện những thiếu sót, sơ hở và kiến nghị các biện pháp khắc phục.

5. Khi có khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bí mật Nhà nước, Công an tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để giải quyết theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Chương IV
KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22. Khen thưởng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân nào có thành tích trong việc bảo vệ bí mật Nhà nước như: phát hiện, tố giác kịp thời những hành vi thu thập, làm lộ, làm mất, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy trái phép bí mật Nhà nước; khắc phục mọi khó khăn, nguy hiểm bảo vệ an toàn bí mật Nhà nước; tìm được tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước bị mất; ngăn chặn hoặc hạn chế được hậu quả do việc làm lộ, làm mất, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy trái phép bí mật Nhà nước do người khác gây ra; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ bí mật Nhà nước theo chức trách được giao sẽ được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

Điều 23. Xử lý vi phạm

Người nào làm lộ bí mật Nhà nước, chiếm đoạt, mua bán, làm mất tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước; lợi dụng bảo vệ bí mật Nhà nước để che dấu hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định của Quy chế này thì tùy theo mức độ, tính chất, hậu quả tác hại gây ra phải bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Công an tỉnh Lâm Đồng có trách nhiệm

1. Hướng dẫn và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

2. Tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện Quy chế về UBND tỉnh trước ngày 25/12 hàng năm.

Điều 25. Mọi tổ chức, cá nhân trong phạm vi tỉnh Lâm Đồng có trách nhiệm nghiêm chỉnh thực hiện Quy chế này. Từng đơn vị, địa phương căn cứ Quy chế này để xây dựng nội quy bảo vệ bí mật Nhà nước của đơn vị, địa phương mình và có biện pháp cụ thể để tổ chức thực hiện./-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(*Đã ký*)

Huỳnh Đức Hoà